

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST
Ngày 12/7/2024
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Đức Minh

2. Bà Hoàng Thị Thu Hiền

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 75/2024/QĐST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Phạm Song H**, sinh năm 1985;

ĐKKHKT: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan.

Người đại diện theo uỷ quyền nhận văn bản tố tụng của anh H: Chị Đỗ Thị H1, sinh năm 1982;

Nơi cư trú: Số nhà B, ngõ H, đường T, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo uỷ quyền quyền nuôi con của anh H: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1963;

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Hồng L**, sinh năm 1986;

Nơi ĐKKHKT: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Song H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị Nguyễn Hồng L kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 26 ngày 26/3/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thống nhất được về cách nuôi dạy con cái và quản lý kinh tế gia đình. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình động viên, tiến hành hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, hiện anh H đang đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, anh đề nghị Toà án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Hồng L.

+ Về con chung: Anh H và chị Nguyễn Hồng L có hai con chung là Phạm Quang M, sinh ngày 10/10/2010 và Phạm Nguyễn Diệu L1, sinh ngày 06/8/2012. Trong thời gian anh H xuất cảnh ra nước ngoài, hai con do bố mẹ đẻ anh H chăm sóc, anh H gửi tiền chu cấp hàng tháng. Ly hôn, anh H có nguyện vọng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản và nợ chung: Anh H và chị Nguyễn Hồng L không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Hồng L không có văn bản trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án. Tại biên bản làm việc ngày 15/5/2024, bà Nguyễn Thị T1 (Mẹ đẻ của chị Nguyễn Hồng L) cung cấp:

Anh Phạm Song H và chị Nguyễn Hồng L tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 26/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình và cùng chung sống với gia đình anh H tại địa phương. Quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn gì thì không thì bà không được biết do chị L ở xa và cũng không tâm sự gì. Đến năm 2015, anh chị sống ly thân, chị L bỏ đi làm ăn ở tỉnh khác, còn anh H đi xuất khẩu lao động nước ngoài. Từ đó, vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị L, về phía gia đình bà cũng đồng ý vì anh chị sống ly thân đã lâu, không còn tình cảm. Chị L và anh H có hai con chung là Phạm Quang M, sinh ngày 10/10/2010 và Phạm Nguyễn Diệu L1, sinh ngày 06/8/2012. Hiện hai cháu đang ở với ông bà nội. Nếu anh H và chị L ly hôn, bà nhất trí giao hai cháu cho anh H và ông bà nội chăm sóc nuôi dưỡng. Sau này, chị L có điều kiện để nuôi các con chung, bà đề nghị Toà án giao hai con chung cho chị L nuôi dưỡng. Bà đề nghị Toà án giải quyết về tài sản và nợ chung theo quy định của pháp luật. Chị L thường xuyên liên lạc với bà bằng điện thoại, còn cụ thể địa chỉ của chị L ở đâu thì bà không rõ vì chị L thường xuyên thay đổi chỗ làm, chỗ ở và không cho gia đình biết địa chỉ. Gia đình bà đã nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án gửi cho chị L, bà cũng đã thông báo lại nội

dung văn bản của Tòa án cho chị L được biết. Chị L có trao đổi lại là anh H có đơn xin ly hôn, chị L cũng đồng ý ly hôn anh H. Tuy nhiên, công việc của chị rất bận mải nên không thể đến Tòa án làm việc được. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị. Bà đồng ý nhận các văn bản của Tòa án thay chị L và cam đoan sẽ thông báo nội dung văn bản cho chị L được biết.

Tại biên bản xác minh ngày 10/4/2024, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình cung cấp:

Anh Phạm Song H và chị Nguyễn Hồng L đều đăng ký hộ khẩu thường trú, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình ngày 26/3/2010. Sau khi kết hôn, anh chị có chung sống cùng bố mẹ đẻ anh H. Quá trình chung sống, giữa anh H, chị L có phát sinh mâu thuẫn nhưng cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì chính quyền địa phương không biết rõ do anh chị không yêu cầu các đoàn thể tại xã tiến hành hoà giải. Hiện anh H đang đi xuất khẩu lao động, chị L bỏ đi làm ăn ở tỉnh ngoài. Anh H và chị L có 02 con chung là cháu Phạm Quang M, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Phạm Nguyễn Diệu L1, sinh ngày 06/8/2012, hiện đang ở với ông bà nội. Anh H và chị L có tài sản chung và nợ chung không thì chính quyền địa phương không rõ. Nay anh H có đơn xin ly hôn chị L, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật và quyền lợi của con chung để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh H được ly hôn chị L, giao hai con chung cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra giải quyết về cấp dưỡng cho con chung và tài sản chung của vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, bị đơn là chị Nguyễn Hồng L có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Nguyên đơn là anh Phạm Song H đang trong thời hạn lao động tại Đài Loan. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị L không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản hợp pháp thể hiện quan điểm về những nội dung tranh chấp trong vụ án đến Tòa án. Anh H, gia đình chị L không biết địa chỉ cụ thể của chị L đang ở đâu nhưng chị L thường xuyên liên lạc với gia đình bằng điện thoại. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị T1 (Mẹ đẻ của chị L) và tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Do đó, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa theo quy định Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H có đơn xin giải quyết vắng mặt, chị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Song H và chị Nguyễn Hồng L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của anh H, xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Đ và lời trình bày của bà T1 (Mẹ đẻ của chị L) đều thể hiện hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nhiều mâu thuẫn. Anh chị đã có thời gian dài sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Khi anh H xin ly hôn, chị L không đến Tòa án làm việc, không gửi văn bản trình bày quan điểm, không có biện pháp để đoàn tụ thể hiện cả hai không còn muốn duy trì quan hệ hôn nhân nữa. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho anh H ly hôn chị L là đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh Phạm Song H và chị Nguyễn Hồng L có hai con chung là cháu Phạm Quang M, sinh ngày 10/10/2010 và cháu Phạm Nguyễn Diệu L1, sinh ngày 06/8/2012. Chị L không có văn bản trình bày nguyện vọng, không có văn bản ủy quyền quyền nuôi con chung cho mẹ chị. Xét thấy, từ khi anh H đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, hai con chung được bố mẹ đẻ anh H chăm sóc, nuôi dưỡng có cuộc sống ổn định và phát triển về thể chất, tinh thần bình thường. Anh H có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung và có văn bản ủy quyền quyền nuôi con cho bà T trong thời gian anh H ở nước ngoài, bà T đồng ý nhận ủy quyền của anh H. Hai con chung đều có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Vì vậy, cần giao hai con chung cho anh H nuôi dưỡng có sự hỗ trợ của bà T chăm sóc, nuôi dưỡng con cho đến khi anh H về Việt Nam.

Anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết vấn đề này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị L không có văn bản trình bày về tài sản vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 479

của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Phạm Song H được ly hôn chị Nguyễn Hồng L.

2. Về nuôi con chung: Xử giao hai con chung là Phạm Quang M, sinh ngày 10/10/2010 và Phạm Nguyễn Diệu L1, sinh ngày 06/8/2012 cho anh Phạm Song H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phạm Song H không yêu cầu chị Nguyễn Hồng L cấp dưỡng cho con chung.

Chị Nguyễn Hồng L có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu, không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phạm Song H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tạm ứng án phí anh H đã nộp tại biên lai số 0000091 ngày 21/02/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Chị Nguyễn Hồng L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ; anh Phạm Song H có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Minh

Hoàng Thị Thu Hiền

Chu Tuấn Vương

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh,
 - Cục THA Dân sự tỉnh T,
 - Đương sự,
 - UBND xã Đ, huyện
- Tiền Hải, tỉnh Thái Bình,
- Lưu hồ sơ, HCTP.

Chu Tuấn V

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh,
 - Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình,
 - Đương sự,
 - UBND xã Việt Thuận, huyện
- Vũ Thư, tỉnh Thái Bình,
- Lưu hồ sơ, HCTP.

Chu Tuấn Vương